

Bản án số: 87/2023/DS-ST

Ngày: 07/12/2023

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ – TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Thạch Sô Phép

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Chung Kim Sang

2. Bà Đoàn Thị Liễu

Thư ký phiên tòa: Bà Danh Thị Sà Ron – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy Kiều – Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 158/2022/TLST-DS ngày 18 tháng 07 năm 2022, về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2023/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 81/2023/QĐST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP P

Đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Văn T, Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Địa chỉ: Số D (tầng trệt, tầng lửng, tầng 1, tầng 2 của tòa nhà) và số D đường L, phường B, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện ủy quyền: Ông Phan Quốc T1, chức vụ: Quyền Giám đốc Ngân hàng TMCP P – Chi nhánh K.

Địa chỉ: Số B đường N, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người được ủy quyền: Bà Trần Thanh T2, sinh năm 1987, chức vụ: Chuyên viên thu hồi nợ Phòng thu hồi nợ - Ngân hàng TMCP P, theo giấy ủy quyền ngày 08/11/2023 (có mặt).

Địa chỉ: Số 281 đường Nguyễn Trung Trực, phường Vĩnh Lạc, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

2. Bị đơn: - Ông Trần Quốc S, sinh năm 1969 (vắng mặt)

- Bà Phùng Thị Thanh T3, sinh năm 1968 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số nhà A đường C, khu phố B, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 21/4/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bà Trần Thanh T2 đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần P trình bày: Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng đã ký giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần P và ông Trần Quốc S, bà Phùng Thị Thanh T3 với các nội dung chủ yếu như sau: số tiền vay gốc 400.000.000 đồng; mục đích vay là khách hàng mua sắm trang thiết bị gia đình; thời hạn vay 60 tháng; lãi suất trong hạn: trong 03 tháng đầu 11,5%/năm, từ tháng thứ 4 trở đi áp dụng lãi suất cho vay điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần, lãi quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; phương thức trả nợ: Trả gốc định kỳ 01 lần/tháng, vào ngày 15 hàng tháng, trả lãi 01 tháng/kỳ (vào ngày 15 hàng tháng). Tài sản đảm bảo cho khoản vay là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại hẻm C, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang, thửa đất số 113, tờ bản đồ số 04, diện tích còn lại 161,9 m², trong đó đất ở 112,4 m², diện tích đất trồng cây lâu năm 49,5 m², diện tích xây dựng 85m², theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BS 498824 được UBND thành phố R cấp giấy ngày 23/12/2013 đứng tên Trần Quốc S; được công chứng ngày 08/10/2020 tại Phòng C tỉnh Kiên Giang và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố R, tỉnh Kiên Giang ngày 09/10/2020. Khi thực hiện hợp đồng vay vốn, bên vay đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi, Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở đến hạn thanh toán nhưng đến nay ông S, bà T3 vẫn không thanh toán nợ vay cho Ngân hàng.

Sau khi khởi kiện phía bị đơn nhiều lần có trả cho Ngân hàng được tiền gốc là 103.178.513 đồng nên Ngân hàng xin rút 01 phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền này.

Nay Ngân hàng Thương mại cổ phần P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Quốc S, bà Phùng Thị Thanh T3 phải thanh toán tổng số tiền tính đến ngày 07/12/2023 là 227.961.583 đồng, trong đó tiền gốc là 203.252.770 đồng, lãi trong hạn 22.100.094 đồng, lãi quá hạn 2.608.719 đồng và yêu cầu tính lãi phát sinh từ ngày 08/12/2023 cho đến khi thanh toán dứt nợ. Trường hợp ông Trần Quốc S, bà Phùng Thị Thanh T3 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì đề nghị Tòa án phát mãi toàn bộ tài sản đảm bảo để thanh toán nợ cho Ngân hàng.

* Bị đơn ông Trần Quốc S, bà Phùng Thị Thanh T3 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho ông Trần Quốc S, bà Phùng Thị Thanh T3 theo đúng trình tự do Bộ luật tố tụng dân sự quy định, nhưng ông Trần Quốc S, bà Phùng Thị Thanh T3 không có ý kiến trình bày và vắng mặt không có lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá phát biểu về thủ tục tố tụng và ý kiến giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có quyết định xét xử đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã vi phạm quy định khoản 1 Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần P đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật; bị đơn ông Trần Quốc S, bà Phùng Thị Thanh T3 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án, vi phạm khoản 16 Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Xét thấy Ngân hàng TMCP P và ông S, bà T3 đã ký kết hợp đồng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015. Hợp đồng vay có thể chấp tài sản nên các bên phải có nghĩa vụ thực hiện đúng theo thỏa thuận được quy định tại Điều 317 - 323 Bộ luật dân sự năm 2015. Ông S, bà T3 không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng, làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng TMCP P theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền gốc 103.178.513 đồng, xét thấy việc rút một phần yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông S, bà T3 phải thanh toán số tiền tính đến ngày 07/12/2023 là 227.961.583 đồng (trong đó nợ gốc là 203.252.770 đồng, nợ lãi trong hạn 22.100.094 đồng, lãi quá hạn 2.608.719 đồng) và lãi phát sinh từ ngày 08/12/2023 đến khi thanh toán hết nợ theo lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho. Nếu ông Trần Quốc S, bà Phùng Thị Thanh T3 không thực hiện nghĩa vụ trả; đồng thời yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp khi bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Để đảm bảo khoản vay của bị đơn, các đương sự ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0553/2020/BĐ ngày 08/10/2020 là nhà và đất tại thửa số 113, tờ bản đồ số 04 tọa lạc tại hẻm C, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang, được công chứng ngày 08/10/2020 tại Phòng C tỉnh Kiên Giang. Do đó trong trường hợp ông S, bà T3 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nguyên đơn có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đồng thời bị đơn phải chịu án phí giá ngạch theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần P khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Trần Quốc S, bà Phùng Thị Thanh T3 phải có trách nhiệm trả số tiền vay gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Trần Quốc S, bà Phùng Thị Thanh T3 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt và bà Trần Thanh T2 đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại cổ phần P đồng ý xét xử vắng mặt ông Trần Quốc S, bà Phùng Thị Thanh T3. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Trần Quốc S, bà Phùng Thị Thanh T3.

Đối với ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát về thời hạn giải quyết vụ án: Tòa án nhận thấy do vụ án tranh chấp cần có thời gian điều tra, xác minh nên vi phạm thời hạn giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp: Xét thấy giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần P và ông Trần Quốc S, bà Phùng Thị Thanh T3 đã phát sinh giao dịch tín dụng thông qua hợp đồng tín dụng số 0553/2020/HĐTD-OCB-CN ngày 08/10/2020 và khế ước nhận nợ số 0553/2020/KUNN-OCB-CN ngày 10/10/2020, theo đó Ngân hàng Thương mại cổ phần P cho ông S, bà T3 vay số tiền như sau: số tiền vay gốc 400.000.000 đồng; thời hạn vay 60 tháng; lãi suất trong hạn: trong 03 tháng đầu 11,5%/năm, từ tháng thứ 4 trở đi áp dụng lãi suất cho vay điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần, lãi quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; phương thức trả nợ: Trả gốc định kỳ 01 lần/tháng, vào ngày 15 hàng tháng, trả lãi 01 tháng/kỳ (vào ngày 15 hàng tháng); mục đích vay là khách hàng vay mua sắm trang thiết bị gia đình. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông S, bà T3 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi cho Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng Thương mại cổ phần P yêu cầu ông S, bà T3 phải có nghĩa vụ trả tổng số tiền tính đến ngày 07/12/2023 là 227.961.583 đồng, trong đó tiền gốc là 203.252.770 đồng, lãi trong hạn 22.100.094 đồng, lãi quá hạn 2.608.719 đồng. Căn cứ vào các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về vay tài sản và nghĩa vụ trả nợ của bên vay và khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định về việc thỏa thuận lãi suất trong hợp đồng tín dụng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của ngân hàng là có căn cứ.

Xét hợp đồng tín dụng số 0553/2020/HĐTD-OCB-CN ngày 08/10/2020 và khế ước nhận nợ số 0553/2020/KUNN-OCB-CN ngày 10/10/2020 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần P với ông Trần Quốc S, bà Phùng Thị Thanh T3 được lập thành văn bản và ký kết với nhau là tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên hợp đồng là hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng.

Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng đối với tài sản đảm bảo hợp đồng vay, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hợp đồng tín dụng nêu trên được đảm bảo bằng hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0553/2020/BĐ; được công chứng ngày 08/10/2020 tại Phòng C tỉnh Kiên Giang và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố R, tỉnh Kiên Giang ngày 09/10/2020. Hợp đồng thế chấp được thực hiện đúng quy định tại các Điều 317 - 323 Bộ luật dân sự năm 2015. Căn cứ quy định tại Điều 299, Điều 303 Bộ luật dân sự năm 2015 yêu cầu này của Ngân hàng Thương mại cổ phần P là có cơ sở để chấp nhận. Sau khi án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Trần Quốc S, bà Phùng Thị Thanh T3 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần P có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 0553/2020/BĐ ngày 08/10/2020 để thu hồi nợ.

Tại phiên tòa hôm nay Ngân hàng Thương mại cổ phần P rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền gốc 103.178.513 đồng, do sau khi khởi kiện phía bị đơn đã trả cho Ngân hàng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần P đối với số tiền gốc 103.178.513 đồng.

Từ những phân tích nêu trên, trong thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Trần Quốc S, bà Phùng Thị Thanh T3 phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P tổng số tiền tính đến ngày 07/12/2023 là 227.961.583 đồng, trong đó tiền gốc là 203.252.770 đồng, lãi trong hạn 22.100.094 đồng, lãi quá hạn 2.608.719 đồng và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 08/12/2023 cho đến khi thanh toán hết nợ.

[4] Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá về ý kiến giải quyết vụ án.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy Ban T4. Buộc đơn ông Trần Quốc S, bà Phùng Thị Thanh T3 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $227.961.583 \text{ đồng} \times 5\% = 11.398.000 \text{ đồng}$.

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí, hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần P số tiền tạm ứng án phí đã

nộp là 8.020.000 đồng, theo biên lai thu số 0002384 ngày 25/05/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 299, Điều 303; các Điều 317 – Điều 323; Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy Ban T4.

Xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần P về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” đối với bị đơn ông Trần Quốc S, bà Phùng Thị Thanh T3.

- Buộc ông Trần Quốc S, bà Phùng Thị Thanh T3 phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P số tiền gốc lãi tính đến ngày 07/12/2023 là 227.961.583 đồng. Ngoài ra, ông Trần Quốc S, bà Phùng Thị Thanh T3 còn phải có nghĩa vụ trả tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày 08/12/2023 cho đến khi tất toán xong nợ vay cho Ngân hàng.

Hai bên trực tiếp giao nhận tiền hoặc giao nhận tại Cơ quan thi hành án dân sự thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật nếu ông Trần Quốc S, bà Phùng Thị Thanh T3 không thanh toán được nợ, thì Ngân hàng Thương mại cổ phần P có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi các tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại hẻm C, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang, thửa đất số 113, tờ bản đồ số 04, diện tích còn lại 161,9 m², trong đó đất ở 112,4 m², diện tích đất trồng cây lâu năm 49,5 m², diện tích xây dựng 85m², theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BS 498824 được UBND thành phố R cấp giấy ngày 23/12/2013 đứng tên Trần Quốc S.

Tài sản thế chấp nêu trên đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố R, tỉnh Kiên Giang ngày 08/10/2020.

Trường hợp bị đơn đã tất toán xong số tiền nợ cho nguyên đơn trước khi phát mãi tài sản thi hành án thì nguyên đơn phải có nghĩa vụ trả lại cho bị đơn 01 (một) bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BS 498824 được UBND thành phố R cấp giấy ngày 23/12/2013 đứng tên Trần Quốc S.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần P về việc yêu cầu bị đơn ông Trần Quốc S, bà Phùng Thị Thanh T3 trả số tiền nợ gốc 103.178.513 đồng.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc ông Trần Quốc S, bà Phùng Thị Thanh T3 phải chịu là 11.398.000 đồng.

Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.020.000 đồng, theo biên lai thu số 0002384 ngày 25/05/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, Kiên Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. Rạch Giá;
- Chi cục THA dân sự TP. Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Lưu./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
THẠCH SỔ PHÉP